

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 9 – 2017

“V/v ly hôn giữa
chị Ng và anh S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Doan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng Ng – Sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Ph, thị trấn Cái T, huyện Châu Th, tỉnh Hậu Giang.

Hiện nay trú tại: Ấp Phú B, xã Phú Ch, huyện Tân U, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Không S – Sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 132, tổ 3, ấp Phú H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và trong quá trình giải quyết chị Trần Thị Hồng Ng trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Tháng 10/2015 chị và anh Nguyễn Văn Không S cưới nhau và có đăng ký kết hôn số 86/2015 ngày 22/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phú

Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nên chị và anh S ly thân từ tháng 12/2015 đến nay. Chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về nuôi con chung: Không có.

- Về chia tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Không S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Theo chị Ng trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn B, bà Bùi Thị Ph biết, chị đề nghị Tòa án xác minh.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Ng với anh S, được ông B, bà Ph là cha mẹ ruột của anh S cho biết Ng và S quen biết nhau trong thời gian đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương. Đến ngày 21/10/2015 Ng và S về nhà chúng tôi tổ chức lễ cưới, sau lễ cưới hai ngày thì vợ chồng trở lại tỉnh Bình Dương để đi làm. Cách đây khoảng hơn một năm thì Nga có điện thoại về cho biết là vợ chồng đã ly thân, ông, bà hỏi lý do thì Ng cho biết là giữa Ng và S bất đồng quan điểm không thể tiếp tục sống chung, cụ thể như thế nào thì Ng không nói chi tiết. Sau đó ông B, bà Ph có điện thoại hỏi S thì S cũng chỉ trả lời bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục sống chung. Ông B, bà Ph có động viên hàn gắn nhưng Ng và S kiên quyết ly hôn, chứng tỏ tình cảm giữa vợ chồng Ng, S không còn. Do đó ông, bà đề nghị Tòa án cho vợ chồng Ng và S ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với anh Nguyễn Văn Không S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh S chấp hành nghĩa vụ tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa chị Ng và anh S là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn, vợ chồng có thời gian dài ly thân, gia đình có hàn gắn nhưng không thành, yêu cầu xin ly hôn của chị Ng phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hồng Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Không S, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị Hồng Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Không S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ng và anh S.

[2] Hôn nhân của chị Ng và anh S là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân theo chị Ng trình bày mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có thời gian dài ly thân từ tháng 12/2015 đến nay, cha mẹ ruột của anh S cũng nhận thấy hôn nhân của anh chị không thể trở lại sống chung và đề nghị Tòa án cho ly hôn. Cho thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng được ly hôn với anh S.

[3] Về nuôi con chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị Ng xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng Ng và anh Nguyễn Văn Không S.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ phải thu, phải trả: Ghi nhận chị Ng xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng Ng phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0013050 ngày 26/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

